

Bản án số: **338/2020/DS-ST**

Ngày: 30/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Ngọc Phụng – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLST - DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng S

Trụ sở: 266-268 N, phường X, quận Y , TP. M

Đại diện theo pháp luật: Bà D – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông G – Giám đốc chi nhánh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Q – Trưởng phòng giao dịch G

2. *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện G, Tiền Giang

Chị Quyên, anh T vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng S và quá trình giải quyết vụ án bà Q là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/01/2015, anh T có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng 2 Thẻ tín dụng số 472074 - 3886 và 970403 - 9331 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh T Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.959.903 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.010.271 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.

Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.

Các khoản phí và / hoặc lãi trong kỳ.

Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Anh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/04/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 11.458.223 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn = lãi suất trong hạn x 150%

Tính đến ngày 31/08/2020, Anh T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 11.458.223 đồng (Thẻ 472074 – 3886: 5.462.205 đồng và 970403 – 9331: 5.996.018 đồng)

Lãi quá hạn : 21.507.503 đồng (Thẻ 472074 – 3886: 9.448.048 đồng và 970403 – 9331: 12.059.455 đồng)

Tổng cộng : 32.965.726 đồng (Thẻ 472074 – 3886: 14.910.253 đồng và 970403 – 9331: 18.055.473 đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với anh T, yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để anh T trả nợ, tuy nhiên anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng S yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc anh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/08/2020 là 32.965.726 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 11.458.223 đồng (Thẻ 472074 – 3886: 5.462.205 đồng và 970403 – 9331: 5.996.018 đồng)

Lãi quá hạn 21.507.503 đồng (Thẻ 472074 – 3886: 9.448.048 đồng và 970403 – 9331: 12.059.455 đồng)

- Anh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/09/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T đến Tòa để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản, nên vụ án khanh T hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện ủy quyền của ngân hàng bà Q có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, bà Quyên là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng yêu cầu anh T trả số tiền nợ vay, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” do Ngân hàng và anh T ký kết. Có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng và anh T đã xác lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

Xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/01/2015 của Ngân hàng với anh T được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều kiện và điều khoản thẻ tín dụng hai bên ký kết quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã giao dịch và các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Sau khi được Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng, anh T đã giao dịch bằng thẻ tín dụng Visa Credit Classic số thẻ 472074-3886 và thẻ Family Local Credit số thẻ 970403-9331 từ ngày 05/3/2015 đến ngày 05/4/2016. Ngày 06/4/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với anh T. Đến nay anh T chưa thanh toán số tiền nợ vốn là 11.458.223 đồng. Tại Điều 2 và 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng hai bên ký kết có quy định *“Chủ thẻ đồng ý đã nhận được thẻ khi thẻ đã có phát sinh giao dịch. Chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ”* và *“Trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại Sacombank và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, toàn bộ dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng này cũng được xem là quá hạn....Khi sự kiện vi phạm xảy ra đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: - Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ”*. Như vậy, anh T không thanh toán số tiền đã thực hiện giao dịch còn lại là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T tuy nhiên anh T không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định anh T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ vốn là 11.458.223 đồng. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Xét thấy anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát, buộc anh T trả số tiền vốn là 11.458.223 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà anh T đang sử dụng là *“Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ”*, như vậy theo thoả thuận anh T phải chịu lãi suất nợ quá hạn đối với thẻ Family Local Credit là 3,75%/tháng ($150\% \times 2.75\%/tháng$) và thẻ Visa Credit Classic là 3,225%/tháng ($150\% \times 2.15\%/tháng$). Nguyên đơn yêu cầu anh T trả tiền lãi quá hạn kể từ ngày 06/4/2016 đến ngày 30/9/2020 là

21.908.513 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

Như vậy, lãi suất quá hạn sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi anh T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/01/2015 của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Buộc anh T trả cho Ngân hàng S số tiền:

- Vốn là 11.458.223 đồng (Mười một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn hai trăm hai mươi ba đồng)

- Lãi quá hạn là: 21.908.993 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm lẻ tám nghìn chín trăm chín mươi ba đồng).

2. Về án phí:

Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.668.336 đồng.

Ngân hàng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 702.000 đồng theo biên lai thu tiền số 32080 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/5/2015.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc